TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02-02-2023
"V/v không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Cơ.

2. Ông Lâm Kim Mến.

- Thư ký phiên tòa: *Bà Ngô Thị Tiểu Loan*– Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện M tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn T - Kiểm sát viên.

Ngày 02-02-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 147/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc "*Không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 223/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20-12-2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phan Thị H**, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp H, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1981.Địa chỉ: Ấp D, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30-8-2022 và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 06-01-2023 của nguyên đơn Phan Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2002 bà H và ông T1 sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng ý kiến dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, không thể hàn gắn, từ năm 2017 hai người không còn sống chung với nhau cho đến nay.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D sinh năm 2003 (đã trưởng thành), Nguyễn Thị Diễm T2 sinh ngày

28/10/2006, Nguyễn Thị Kiều D1 sinh ngày 13/7/2008. Hiện nay các con đang ở chung ông T1.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Nay bà Phan Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị H và ông Nguyễn Văn T1.

- Về con chung: Yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con, nếu các con đồng ý sống chung bà H thì không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Nếu các con sống chung ông T1 thì bà H không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia phiên Tòa, nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

Tại tờ nguyện vọng lập ngày 23-12-2022, em Nguyễn Thị Kiều D1 và em Nguyễn Thị Diễm T2 trình bày khi cha mẹ không còn sống chung thì hai em có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha là ông Nguyễn Văn T1, không yêu cầu mẹ là bà Phan Thị H cấp dưỡng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; đối với bị đơn chưa thực hiện và chấp hành đúng quy định pháp luật do vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải; ông Nguyễn Văn T1 đã được cấp tống đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự và đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị H và ông Nguyễn Văn T1. Về con chung tiếp tục giao Nguyễn Thị Diễm T2 sinh ngày 28/10/2006, Nguyễn Thị Kiều D1 sinh ngày 13/7/2008 cho ông Nguyễn Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Phan Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn T1 đã được triệu tập hợp lệ theo đúng trình tự tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T1 chung sống với nhau từ năm 2002 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Xét thấy việc bà H và ông T1 đã có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng trong quá trình chung sống ông bà đã không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng trình tự thủ tục và không có giấy tờ chứng minh đã kết hôn, đến nay cuộc sống chung của ông bà phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, ông bà không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, do đó bà H có yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà với ông T1. Căn cứ điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà H và ông T1 có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D sinh năm 2003 (đã trưởng thành), Nguyễn Thị Diễm T2 sinh ngày 28/10/2006, Nguyễn Thị Kiều D1 sinh ngày 13/7/2008. Hiện nay các con đang ở chung ông T1. Bà H có yêu cầu con chung giải quyết theo nguyện vọng của các con. Xét thất em Nguyễn Thị Kiều D1 và em Nguyễn Thị Diễm T2 có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha là ông Nguyễn Văn T1, không yêu cầu mẹ là bà Phan Thị H cấp dưỡng, do đó để đảm bảo cuộc sống của các con được ổn định nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao em Nguyễn Thị Diễm T2 sinh ngày 28/10/2006, Nguyễn Thị Kiều D1 sinh ngày 13/7/2008 cho ông Nguyễn Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Bà Phan Thị H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Do bà H trình bày trong thời gian chung sống không có tạo lập tài sản chung cũng như không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị H với ông Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn T1 được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Diễm T2 sinh ngày 28/10/2006 (nữ), Nguyễn Thị Kiều D1 sinh ngày 13/7/2008 (nữ) đến đủ 18 tuổi. Bà Phan Thị H không cấp dưỡng nuôi con. Bà Phan Thị H có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị H phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005558 ngày 12-10-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, bà Phan Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Xuyên;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trần Thị Kiều Oanh